|  |  |
| --- | --- |
| **.BỘ CÔNG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /2022/TT-BCA | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu và chế độ chi tiêu tài chính đối với các hoạt động thể dục, thể thao trong Công an nhân dân**

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công tác đảng và công tác chính trị;*

*Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu và chế độ chi tiêu tài chính đối với các hoạt động thể dục, thể thao trong Công an nhân dân.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về:

1. Một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao *(sau đây gọi tắt là huấn luyện viên, vận động viên)* trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu, bao gồm: Chế độ tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; bảo hiểm khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài; chế độ khi ốm đau, thai sản, bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chế độ chăm sóc và chữa trị chấn thương; bảo đảm học tập văn hóa, chính trị; chế độ dinh dưỡng đặc thù; tiền thưởng theo thành tích thi đấu.

2. Chế độ chi tiêu tài chính đối với các hoạt động thể dục, thể thao trong Công an nhân dân, bao gồm:

a) Giải thi đấu thể thao (Đại hội, hội thao, giải thi đấu từng môn thể thao);

b) Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân;

c) Hoạt động giám sát, kiểm tra rèn luyện thể lực đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân;

d) Hoạt động tuyển chọn huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong Công an nhân dân, gồm:

a) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu Bộ Công an đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

b) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu Bộ Công an không hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

c) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển Công an đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Tiểu ban chuyên môn, Ban Kiểm tra, Ban giám sát rèn luyện thể lực, Hội đồng tuyển chọn; giám sát thi đấu; trọng tài; thư ký; y tế; phục vụ và các lực lượng khác có liên quan đến công tác tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao trong Công an nhân dân.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

**Điều 3. Chế độ tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu**

1. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu được hưởng chế độ tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu (sau đây viết gọn là Nghị định số 152/2018/NĐ-CP).

2. Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Thông tư này được hưởng mức tiền lương hoặc tiền hỗ trợ tương ứng với từng chức danh theo số ngày thực tế tập huấn, thi đấu theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 152/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Huấn luyện viên đội tuyển Bộ Công an: 215.000 đồng/người/ngày;

b) Huấn luyện viên đội tuyển trẻ Bộ Công an: 180.000 đồng/người/ngày;

c) Huấn luyện viên đội tuyển năng khiếu Bộ Công an: 180.000 đồng/người/ngày;

d) Vận động viên đội tuyển Bộ Công an: 180.000 đồng/người/ngày;

đ) Vận động viên đội tuyển trẻ Bộ Công an: 75.000 đồng/người/ngày;

e) Vận động viên đội tuyển năng khiếu Bộ Công an: 55.000 đồng/người/ngày.

3. Các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 Điều 3 Thông tư này được hưởng thêm khoản tiền hỗ trợ cho những ngày thực tế tập huấn, thi đấu vượt quá 26 ngày trong tháng. Khoản tiền hỗ trợ này bằng mức tiền trả theo ngày quy định tại khoản 2 Điều này nhân với 200%.

**Điều 4. Chế độ tham gia bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; bảo hiểm khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài; chế độ khi ốm đau, thai sản, bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chế độ chăm sóc và chữa trị chấn thương; bảo đảm học tập văn hóa, chính trị**

Đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 2 Thông tư này trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu được hưởng các chế độ sau:

1. Được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 152/2018/NĐ-CP.

2. Được mua bảo hiểm khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 152/2018/NĐ-CP.

3. Được hưởng chế độ khi ốm đau, thai sản, bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong thời gian tập huấn, thi đấu theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định số 152/2018/NĐ-CP.

4. Được chăm sóc sức khỏe và chữa trị chấn thương theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Thể dục, thể thao.

5. Được bảo đảm học tập văn hóa, chính trị theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Thể dục, thể thao.

**Điều 5. Chế độ dinh dưỡng đặc thù**

1. Thời gian hưởng chế độ dinh dưỡng đặc thù

a) Thời gian tập huấn, thi đấu được hưởng chế độ dinh dưỡng đặc thù là số ngày huấn luyện viên, vận động viên thực tế tham gia tập huấn, thi đấu theo quyết định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

b) Định mức thời gian hưởng chế độ dinh dưỡng đặc thù:

Đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 2 Thông tư này được hưởng chế độ dinh dưỡng đặc thù trong tất cả các ngày thực tế tham gia tập huấn trong năm.

Đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Thông tư này được hưởng chế độ dinh dưỡng đặc thù trong thời gian tập huấn không quá 60 ngày đối với Đại hội và không quá 45 ngày đối với hội thao, giải thi đấu từng môn thể thao do Bộ Công an tổ chức; không quá 30 ngày đối các giải thi đấu thể thao do Cụm thi đua, các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức. Trường hợp cần phải bổ sung thời gian tập huấn do Ban Tổ chức hoãn thời điểm tổ chức thi đấu thì cơ quan triệu tập huấn luyện viên, vận động viên quyết định thời gian được hưởng thêm chế độ dinh dưỡng đặc thù nhưng không quá 1/3 định mức thời gian của hoạt động thể dục, thể thao tương ứng.

Thời gian hưởng chế độ dinh dưỡng đặc thù trong thời gian thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên thực hiện theo số ngày thực tế và quy định của Điều lệ tổ chức giải.

2. Nội dung, mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu:

a) Mức chi chế độ bữa ăn hàng ngày đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập huấn:

Tập huấn trong nước: Là số ngày huấn luyện viên, vận động viên có mặt thực tế tập trung tập huấn theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mức chi cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: Đồng/người/ngày*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Đội tuyển** | **Bữa ăn hàng ngày** |
| 1 | Đội tuyển Bộ Công an | 240.000 |
| 2 | Đội tuyển trẻ Bộ Công an | 200.000 |
| 3 | Đội tuyển năng khiếu Bộ Công an | 150.000 |
| 4 | Đội tuyển đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 200.000 |

Tập huấn ở nước ngoài: Huấn luyện viên, vận động viên khi tập trung tập huấn ở nước ngoài được hưởng chế độ bữa ăn hàng ngày theo thư mời hoặc hợp đồng ký kết giữa Bộ Công an với cơ sở đào tạo ở nước ngoài.

b) Mức chi chế độ bữa ăn hàng ngày đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung thi đấu:

Trong thời gian tập trung thi đấu tại các giải thể thao thành tích cao quy định tại Khoản 2, 4, 5, 6, 7 Điều 37 Luật Thể dục thể thao năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018 và các giải thi đấu thể thao do Bộ Công an tổ chức, huấn luyện viên, vận động viên được hưởng chế độ dinh dưỡng đặc thù như sau:

*Đơn vị tính: Đồng/người/ngày*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Đội tuyển** | **Bữa ăn hàng ngày** |
| 1 | Đội tuyển Bộ Công an | 320.000 |
| 2 | Đội tuyển trẻ Bộ Công an | 240.000 |
| 3 | Đội tuyển năng khiếu Bộ Công an | 240.000 |
| 4 | Đội tuyển đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 240.000 |

Trong thời gian tập trung thi đấu tại các giải thể thao quốc tế do Tổng cục Thể dục thể thao ủy quyền tham gia, huấn luyện viên, vận động viên được hưởng mức chi thực hiện chế độ bữa ăn hàng ngày theo quy định của Điều lệ tổ chức giải (không được hưởng mức ăn hàng ngày quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này).

3. Huấn luyện viên, vận động viên là cán bộ, chiến sĩ, công nhân Công an trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu đã hưởng chế độ dinh dưỡng đặc thù theo quy định tại Thông tư này thì không được thực hiện các chế độ dinh dưỡng, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, phụ cấp, bồi dưỡng đặc thù (nếu có).

4. Các giải thi đấu thể thao không nằm trong kế hoạch hoạt động thể dục, thể thao của Bộ Công an và của các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì không được thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù quy định tại Thông tư này.

5. Chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tham gia tập huấn, thi đấu cho đội tuyển quốc gia hoặc tham gia các giải thi đấu thể thao khác (không do Bộ Công an hoặc các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức) mà do địa phương tổ chức thì do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc địa phương tổ chức thực hiện.

**Điều 6. Chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao**

1. Vận động viên các đội tuyển thể thao của Bộ Công an được triệu tập, tham gia thi đấu cho các đội tuyển quốc gia đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc tế ngoài mức thưởng theo quy định tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP được Bộ Công an xét thưởng thêm theo chế độ khen thưởng trong Công an nhân dân.

2. Vận động viên được triệu tập, tham gia thi đấu cho các đội tuyển Công an nhân dân đạt thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao được hưởng mức tiền thưởng như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **GIẢI THI ĐẤU** | **MỨC THƯỞNG** | | | |
| Giải Nhất  (Huy chương vàng) | Giải Nhì (Huy chương bạc) | Giải Ba (Huy chương đồng) | Phá kỷ lục (thưởng thêm) |
| **I.** | **Giải thi đấu thể thao quốc gia** | | | | |
| 1 | Đại hội Thể thao toàn quốc; Giải Bóng đá vô địch quốc gia (V.League 1); Siêu Cúp Bóng đá quốc gia. | 15 | 12 | 9 | 9 |
| 2 | Giải Vô địch quốc gia; Giải Bóng đá hạng Nhất quốc gia (V.League 2); Giải Bóng đá Cúp quốc gia. | 12 | 9 | 7 | 7 |
| 3 | Giải Vô địch trẻ quốc gia; Cúp quốc gia. | 7 | 5 | 3 | 3 |
| 4 | Giải có quy mô cấp quốc gia khác; Giải Vô địch trẻ có quy định các lứa tuổi; Giải khu vực, vùng, miền. | 5 | 3 | 2 | 2 |
| **II** | **Giải thi đấu thể thao trong Công an nhân dân** | | | | |
| 1 | Đại hội khỏe “Vì an ninh tổ quốc” do Bộ Công an tổ chức | 7 | 5 | 3 | 3 |
| 2 | Hội thao, giải thi đấu thể thao toàn lực lượng Công an nhân dân do Bộ Công an tổ chức | 5 | 3 | 2 | 2 |
| 3 | Hội thao, giải thi đấu thể thao theo khu vực, đối tượng trong Công an nhân dân do Bộ Công an tổ chức | 3,5 | 2,5 | 1,5 | - |
| 4 | Đại hội, hội thao, giải thi đấu thể thao do Cụm thi đua trực thuộc Bộ Công an, đơn vị trực thuộc Bộ Công an và Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức | 3 | 2 | 1 | - |

3. Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể, đồng đội được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 và 2 Điều 6 Thông tư này.

Ví dụ: Đội tuyển Bóng chuyền Công an tỉnh A gồm 14 vận động viên thi đấu tại Đại hội khỏe “Vì an ninh Tổ quốc” lực lượng Công an nhân dân, đạt huy chương vàng. Mức thưởng chung cho Đội tuyển Bóng chuyền Công an tỉnh A là: 7.000.000 đồng/người x 14 người = 98.000.000 đồng.

4. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao được thưởng như sau:

a) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao có nội dung cá nhân thì được hưởng mức thưởng bằng mức thưởng chung đối với vận động viên;

b) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể, đồng đội thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau: Dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu: mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu: mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu: mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu: mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên;

c) Tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên tại cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40%.

5. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên, vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 6 Thông tư này.

Ví dụ: Tại Giải Vô địch bắn súng quốc gia năm 2021, Đội tuyển Bắn súng Bộ Công an gồm 01 huấn luyện viên, 03 vận động viên đăng ký thi đấu nội dung cá nhân và đồng đội 25m súng ngắn tiêu chuẩn. Kết thúc thi đấu, Đội tuyển Bắn súng Bộ Công an giành Huy chương đồng nội dung đồng đội.

Theo quy định của Điều lệ giải, thành tích thi đấu nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, cụ thể: Mỗi vận động viên tham dự thi đấu thực hiện 01 lần thi và sử dụng số điểm đạt được của mình để xác định huy chương nội dung cá nhân (huy chương thứ nhất); đồng thời, sử dụng tổng số điểm 03 vận động viên trong cùng 01 đội đạt được để xác định huy chương nội dung đồng đội (huy chương thứ 2). Như vậy, mức thưởng chung cho huấn luyện viên, vận động viên Đội tuyển Bắn súng Bộ Công an ở nội dung đồng đội là: 7.000.000 đồng/người x 50% x 4 người = 14.000.000 đồng.

**Điều 7. Nội dung chi đối với các hoạt động thể dục, thể thao trong Công an nhân dân**

1. Tiền dinh dưỡng đặc thù, tiền thưởng theo thành tích thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên;

2. Tiền ăn, tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ cho thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Tiểu ban chuyên môn, Ban Kiểm tra, Hội đồng tuyển chọn, giám sát rèn luyện thể lực; giám sát thi đấu; trọng tài; thư ký;

3. Tiền tàu xe đi về, thuê chỗ ở (nếu có) cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 Thông tư này;

4. Tiền thuê phiên dịch, huấn luyện viên (nếu phải thuê ngoài);

5. Thuê địa điểm, điện, nước, vệ sinh tại địa điểm tập luyện, thi đấu, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao;

6. Mua (hoặc thuê) phương tiện, dụng cụ, truyền thông, máy móc thiết bị phục vụ công tác tổ chức, trang thiết bị phục vụ công tác tổ chức;

7. Tổ chức khai mạc, bế mạc, trang trí, tuyên truyền, họp báo, họp Ban Tổ chức, tập huấn trọng tài;

8. In ấn tài liệu, cúp, cờ, huy chương, giấy chứng nhận thành tích, lịch thi đấu, biên bản thi đấu, kết quả, xác nhận thành tích thi đấu;

9. Các khoản chi khác có liên quan đến công tác chuyên môn và tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao.

**Điều 8. Mức chi đối với các hoạt động thể dục, thể thao trong Công an nhân dân**

1. Chi tiền ăn

a) Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, các Tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát thi đấu, thư ký trong thời gian làm nhiệm vụ thực tế tại các hoạt động thể dục, thể thao trong Công an nhân dân được hưởng mức tiền ăn: 200.000 đồng/người/ngày (bao gồm cả thời gian tối đa 02 ngày trước ngày thi đấu để làm công tác tổ chức, tập huấn trọng tài và 01 ngày sau khi kết thúc hoạt động).

Các đối tượng thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được đảm bảo chế độ chi tiền ăn theo quy định này sẽ không được thanh toán phụ cấp tiền lưu trú công tác phí theo quy định tại chế độ công tác phí hiện hành trong thời gian tham dự các hoạt động thể dục, thể thao.

b) Đối với quan chức, trọng tài, giám sát người nước ngoài làm nhiệm vụ tại các hoạt động thể dục, thể thao trong Công an nhân dân có mời nước ngoài tham dự: Thực hiện theo thực tế nhưng không được vượt quá chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam theo quy định hiện hành.

2. Chi tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ

Mức chi tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ đối với các đối tượng trong thời gian làm nhiệm vụ thực tế tại các hoạt động thể dục, thể thao trong Công an nhân dân (bao gồm cả hoạt động quốc tế có mời Công an, Cảnh sát các nước tham dự), như sau:

a) Hoạt động thể dục, thể thao do Bộ Công an tổ chức:

Thành viên Ban Chỉ đạo; thành viên Ban Tổ chức; Trưởng, Phó Trưởng các tiểu ban chuyên môn Ban Tổ chức: 120.000 đồng/người/ngày;

Thành viên các tiểu ban chuyên môn Ban Tổ chức: 100.000 đồng/người/ngày;

Giám sát thi đấu, trọng tài, thư ký: 85.000 đồng/người/buổi. Riêng, giám sát thi đấu, trọng tài môn bóng đá: 500.000 đồng/người/trận, môn bóng chuyền: 100.000 đồng/người/trận;

Thành viên Hội đồng tuyển chọn, giám sát kiểm tra rèn luyện thể lực: 60.000đồng/người/ngày;

Bảo vệ, y tế, phục vụ và các lực lượng khác có liên quan đến công tác tổ chức: 50.000 đồng/người/buổi.

b) Hoạt động thể dục, thể thao do Cụm thi đua, các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức:

Thành viên Ban Chỉ đạo; thành viên Ban Tổ chức; Trưởng, Phó Trưởng các tiểu ban chuyên môn Ban Tổ chức: 80.000đồng/người/ngày;

Thành viên các tiểu ban chuyên môn Ban Tổ chức: 60.000đồng/người/ngày;

Giám sát thi đấu, trọng tài, thư ký: 60.000 đồng/người/buổi. Riêng, giám sát thi đấu, trọng tài môn bóng đá: 300.000 đồng/người/trận, môn bóng chuyền 80.000 đồng/người/trận;

Thành viên Ban Kiểm tra rèn luyện thể lực: 60.000đồng/người/ngày;

Bảo vệ, y tế, phục vụ và các lực lượng khác có liên quan đến công tác tổ chức: 45.000 đồng/người/buổi.

3. Mức chi tổ chức đồng diễn, diễu hành trong các hoạt động thể dục, thể thao:

a) Tiền bồi dưỡng đối với đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành:

Đối với người tập: 30.000 đồng/người/buổi tập luyện; 40.000 đồng/người/buổi tổng duyệt (tối đa 02 buổi); 70.000 đồng/người/buổi chính thức;

Đối với giáo viên quản lý, hướng dẫn: 60.000 đồng/người/buổi.

b) Chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn, diễu hành: Thanh toán theo hợp đồng giữa Ban Tổ chức với các tổ chức hoặc cá nhân trong dự toán ngân sách được giao; mức chi tối đa theo quy định hiện hành của Chính phủ về chế độ nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

4. Đối với các giải thi đấu thể thao do các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao Công an nhân dân tổ chức

a) Về nguyên tắc, các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao Công an nhân dân tự cân đối kinh phí tổ chức giải. Chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao này được vận dụng theo chế độ chi tiêu tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp bộ;

b) Việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao (nếu có) được thực hiện theo các quy định hiện hành về việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao; việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội; quản lý việc tiếp nhận, sử dụng các nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài cho hội.

5. Một số chế độ chi tiêu khác

a) Tiền tàu xe đi và về, tiền thuê chỗ ở đối với các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 Thông tư này thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Tiền thuê huấn luyện viên tập huấn cho đội tuyển đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (nếu phải thuê ngoài): Không quá 180.000 đồng/người/ngày. Huấn luyện viên thuê ngoài được hưởng chế độ tiền dinh dưỡng đặc thù, tiền thưởng theo thành tích thi đấu;

c) Phiên dịch (nếu phải thuê ngoài): 300.000đồng/người/buổi;

d) Các khoản chi in ấn, huy chương, cờ, cúp, trang phục, đạo cụ, khai mạc, bế mạc; thông tin, tuyên truyền; chi thuê địa điểm (sân bãi), dụng cụ tập luyện và thi đấu, lệ phí thi đấu; chi khám sức khỏe và các chi phí khác: Tùy theo quy mô, tính chất của hoạt động thể dục, thể thao để chi tiêu, trong dự toán ngân sách được giao. Đồng thời, căn cứ theo chế độ hiện hành, chứng từ hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện;

đ) Đối tượng được hưởng tiền ăn, tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ thực hiện theo phê duyệt hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền và được tính theo số ngày, buổi làm việc thực tế. Các đối tượng làm việc tính theo buổi hoặc trận thi đấu thì tiền bồi dưỡng được tính theo số buổi hoặc trận thi đấu, tối đa không quá 3 buổi (3 trận) thi đấu/ngày;

e) Trường hợp một người được phân công nhiều nhiệm vụ khác nhau trong quá trình tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao chỉ được hưởng một mức bồi dưỡng cao nhất;

g) Các khoản chi khác không quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định hiện hành về chi tiêu tài chính.

**Điều 9. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí thực hiện các chế độ quy định tại Thông tư này được bố trí từ các nguồn: Nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn thu huy động được (như thu bán vé xem thi đấu, thu tài trợ, quảng cáo, bán bản quyền phát hành, truyền hình, các khoản thu hợp pháp khác); trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hằng năm và các nguồn thu huy động được, các đơn vị thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành:

a) Cục Công tác đảng và công tác chính trị thực hiện kinh phí bảo đảm các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu Bộ Công an và kinh phí bảo đảm hoạt động tập huấn, thi đấu của đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu Bộ Công an được cử tham gia các giải thi đấu quốc gia, quốc tế; kinh phí bảo đảm tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao của Bộ Công an được giao chủ trì;

b) Đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện kinh phí bảo đảm các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên quy định tại Điều 4, 5, 6, 7 Thông tư này và kinh phí bảo đảm hoạt động tập huấn, thi đấu của đội tuyển đơn vị mình được cử tham gia thi đấu giải thể thao trong Công an nhân dân; kinh phí bảo đảm các hoạt động thể dục, thể thao do đơn vị chủ trì tổ chức.

2. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí:

a) Hằng năm, cùng với thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước, căn cứ vào chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nguồn thu (nếu có), cơ quản quản lý về thể dục, thể thao của Công an các đơn vị, địa phương lập dự toán chi ngân sách cho các hoạt động thể dục, thể thao do cấp mình tổ chức, tổng hợp vào dự toán ngân sách của cấp mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí thực hiện theo quy định;

b) Căn cứ vào dự toán chi ngân sách đã được phê duyệt, Công an các đơn vị, địa phương phân bổ dự toán chi cho các hoạt động thể dục, thể thao cho các đơn vị thực hiện theo quy định;

c) Trước khi tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, Ban Tổ chức lập dự toán chi tiết gửi cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và tổ chức chi tiêu trong phạm vi dự toán phê duyệt;

d) Các khoản chi thực hiện chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên và các hoạt động thể dục, thể thao được hạch toán vào các mục tương ứng theo chương, loại, khoản quy định của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành;

đ) Sau khi kết thúc các hoạt động thể dục, thể thao, trong thời hạn tối đa 30 ngày, Ban Tổ chức có trách nhiệm tập hợp chứng từ thu, chi và quyết toán kinh phí theo đúng các quy định về chế độ quản lý tài chính hiện hành.

**Điều 10. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp**

1.Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 202 .

2. Thông tư số 19/2015/TT-BCA ngày 11 tháng 5 năm 2015 của Bộ Công an quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên và các hoạt động thể dục, thể thao trong Công an nhân dân; Công văn số 2398/BCA-X01 ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao Công an nhân dân; Công văn số 1278/BCA-H01 ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trong Công an nhân dân hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3.Khi văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

**Điều 11. Trách nhiệm thi hành**

1. Cục Công tác đảng và công tác chính trị; Cục Kế hoạch và tài chính; Cục Tổ chức cán bộ có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thi hành, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Công tác đảng và công tác chính trị) để được hướng dẫn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Các đồng chí Thứ trưởng;  - Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an;  - Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;  - Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an;  - Lưu: VT, X03 (P7). H.150b. | **BỘ TRƯỞNG**  **Đại tướng Tô Lâm** |